KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2023 - 2024

(Dành cho đối tượng Thạc sĩ)

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					HỌC KỲ II - 21 TUẦN																					NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024				T5/2024				T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07
CH Nội K17	Thi HCCC; Viết hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH Ngoại K17	Thi PTTM lồng ngực; Viết và hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH Nhi K17	Viết và hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH YTCC K17	Viết và hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH Dược lý & DLS	Viết và hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH YHB K17	Viết và hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH KTXN K17	Viết và hoàn thành luận văn												BVLV																																						
CH Nội K18	CC Tim mạch (5TC); Hô hấp (5TC); Tiêu hoá (5TC); Nội tiết (4TC); Cơ xương khớp (4TC)																													Chẩn đoán hình ảnh (3TC); Huyết học lâm sàng (3TC); Lão khoa (3TC)													Học và thi lại								
													Thông qua đề cương																																						
CH Ngoại K18	Phẫu thuật tiêu hoá (5TC); Phẫu thuật tiết niệu (5TC); PT Thần kinh sọ não (5TC); PT Chấn thương CH (5TC)																													Ngoại Nhi (5TC); Phẫu thuật Tim mạch lồng ngực (5TC)													Học và thi lại								
													Thông qua đề cương																																						
CH Nhi K18	Thận – Huyết học - NT – Chuyển hoá DT (6TC); Tiêu hoá dinh dưỡng (4TC); Hô hấp tim mạch (5TC)																													Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học (6TC); CĐHA nhi khoa(3TC); Tai nạn thương tích - PHCN (3TC)													Học và thi lại								
													Thông qua đề cương																																						
CH YTCC K18	Sức khoẻ nghề nghiệp (4TC); Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm (4TC); KTYT và BH Y tế (3TC); DTH bệnh mới nổi và tái nổi (3TC), Quản lý các bệnh không lây nhiễm (3TC)																													SKLT - SKTT - SKSS (3TC); Y tế biển đảo (3TC); Dân số và phát triển (3TC) Tâm lý lao động và Ergonome (3TC)													Học và thi lại								
													Thông qua đề cương																																						
CH Dược lý & DLS K18	Sử dụng thuốc trong điều trị 1 (4TC); Quản lý dược BV (2TC); Thực hành dược BV (4TC); Phân tích ca lâm sàng (3TC) TH dược lâm sàng nội khoa (4TC); Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc (2TC); Sử dụng thuốc trong điều trị 2 (2TC)																													Nghỉ Tết Nguyên Đán	Quản lý thử nghiệm lâm sàng (2TC); TH dược lâm sàng chuyên khoa (2TC); Đánh giá sử dụng thuốc (2TC)													Học và thi lại								
													Thông qua đề cương																																						
CH KTXN K18	Hoá sinh (4TC); Huyết học truyền máu (4TC); Vi sinh (4TC); Ký sinh trùng (4TC); Giải phẫu bệnh (4TC)																													HS lâm sàng – MD (3TC); Huyết học truyền máu nâng cao (3TC) Vi sinh ls nâng cao (3TC); Ký sinh trùng lâm sàng nâng cao (3TC)													Học và thi lại								
													Thông qua đề cương																																						
CH Nội K19																			Lâm sàng môn hỗ trợ											Hỗ trợ, Chuyên ngành																							
																			Môn chung											Môn chung và môn cơ sở																							

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					HỌC KỲ II - 21 TUẦN																					NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024				T5/2024					T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07
CH Ngoại K19	TUYỂN SINH: ĐỢT 1 + ĐỢT 2																	Lâm sàng môn hỗ trợ												Hỗ trợ; Chuyên ngành																						
																		Môn chung												Môn chung và môn cơ sở																						
CH Nhi K19																		Lâm sàng môn hỗ trợ												Hỗ trợ; Chuyên ngành																						
																		Môn chung												Môn chung và môn cơ sở																						
CH YTCC K19																		Môn cơ sở												Hỗ trợ; Chuyên ngành																						
																		Môn chung												Môn chung và môn cơ sở																						
CH Dược lý & DLS																		Môn cơ sở												Hỗ trợ; Chuyên ngành																						
																		Môn chung												Môn chung và môn cơ sở																						
CH YHB K19																		Môn cơ sở												Hỗ trợ; Chuyên ngành																						
																		Môn chung												Môn chung và môn cơ sở																						
CH KTXN K19																		Môn cơ sở												Hỗ trợ; Chuyên ngành																						
																		Môn chung												Môn chung và môn cơ sở																						

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2023 - 2024

(Dành cho đối tượng BSCKII)

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					HỌC KỲ II - 21 TUẦN																					NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024					T5/2024					T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07
BSCKII K15 Nội chung	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 Nội Hô hấp	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 Ngoại chung	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 Ngoại CTCH	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 Sản PK	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 Nhi khoa	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 QLYT	Hoàn thành luận văn												BV luận văn																																						
BSCKII K15 RHM	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K15 Tâm thần	Hoàn thành luận văn										Thi TN		BV luận văn																																						
BSCKII K16 Nội chung	Tim mạch nâng cao (5TC) - Hô hấp nâng cao (5TC) - Tiêu hóa nâng cao (4TC)												Nội tiết nâng cao (4TC) - Thận - tiết niệu nâng cao (4TC)- Cơ - xương - khớp nâng cao (4TC) - Huyết học lâm sàng nâng (4TC)														Nghỉ Tết Nguyên Đán				Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 Nội Hô hấp	Nội tổng quát (7TC) - Bệnh nhiễm trùng phổi cấp tính (5TC) - Bệnh phổi mạn tính (5TC)												Bệnh lao phổi (5TC) - Bệnh màng phổi (5TC) -Bệnh u phổi trung thất (5TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 Nội Tim mạch	Tim mạch Dự phòng - Suy tim (5TC) - Bệnh động mạch vành và Bệnh lý mạch máu (5TC)												Bệnh van tim - Bệnh tim bẩm sinh (5TC) - Bệnh màng ngoài tim - Bệnh cơ tim (5TC) - Các rối loạn nhịp tim và Thăm dò cận lâm sàng tim mạch (5TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 Ngoại chung	Phẫu thuật tiêu hóa (5TC) - Phẫu thuật tiết niệu (5TC) - Phẫu thuật thần kinh sọ não (5TC)												Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình (5TC) - Phẫu thuật tim mạch (5TC) - Phẫu thuật lồng ngực (5TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 Ngoại CTCH	Điều trị cấp cứu cơ quan vận động (6TC) - Điều trị chấn thương chi trên (6TC)												Điều trị chấn thương chi dưới (6TC) - Phẫu thuật nội soi khớp, thay khớp 6(TC)- Chấn thương bàn tay, vi phẫu, tạo hình (6TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 Sản PK	Sản bệnh (4TC) - Sản khó (4TC) - Cấp cứu sản khoa (4TC)												Phụ khoa bệnh lý (4TC) -Ung thư vú, phụ khoa (4TC) - Sơ sinh (2TC) - Kế hoạch hóa gia đình - Nội tiết phụ khoa (4TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 Nhi khoa	Sơ sinh - Hồi sức cấp cứu (7TC); Thận - Huyết học - Nội tiết - Chuyển hóa - Di truyền (7TC)												Tiêu hóa - Dinh dưỡng (7TC); Hô hấp - Tim mạch (7TC); Thần kinh - Tâm bệnh - Nhi khoa xã hội - Điều trị học (7TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 QLYT	Quản lý sức khỏe cộng đồng (5TC) - Quản lý chương trình/ dự án y tế (5TC)- Quản lý thực hiện pháp luật, chính sách y tế (5TC)												Quản lý các nguồn lực y tế (5TC) - Lập kế hoạch y tế (5TC) - Đánh giá các hoạt động y tế (5TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				
BSCKII K16 RHM	Chữa răng nội nha (4TC) - Nha chu (4TC) -Phục hình (4TC) - Phẫu thuật trong miệng (3TC)												Bệnh lý miệng - Phẫu thuật hàm mặt (4TC) - Chỉnh hình răng hàm mặt (4TC) - Răng trẻ em (4TC)- Nha cộng đồng 3(TC)																		Học và thi các HP tự chọn (tổng số 12 TC)																				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					HỌC KỲ II - 21 TUẦN																							NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024				T5/2024					T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07
BSCKII K16													CHUNG BSCKII K16 TQĐC																																							
BSCKII K17 Nội chung	TUYỂN SINH ĐỢT 1												TUYỂN SINH ĐỢT 2	MÔN CHUNG																MÔN CƠ SỞ - HỖ TRỢ CÁC BUỔI SÁNG ĐI LÂM SÀNG													MÔN CHUYÊN NGÀNH								
BSCKII K17 Nội Hô hấp																																																			
BSCKII K17 Nội Tim mạch																																																			
BSCKII K17 Ngoại chung																																																			
BSCKII K17 Ngoại CTCH																																																			
BSCKII K17 Ngoại tiêu hóa																																																			
BSCKII K17 Sản PK																																																			
BSCKII K17 Nhi khoa																																																			
BSCKII K17 QLYT																																																			
BSCKII K17 RHM																																																			
BSCKII K17 Tâm thần																																																			

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2023 - 2024

(Dành cho đối tượng Chuyên khoa cấp I)

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	
BSCKI K27 Nội khoa	Huyết học (7ĐVHT); Hô hấp (7ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 Ngoại khoa	Gây mê hồi sức (4ĐVHT); Sọ não lồng ngực (6 ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 Sản PK	Sơ sinh, Kế hoạch hoá gia đình										Thi TN											
BSCKI K27 Nhi chung	Tiêu hoá-Dinh dưỡng (14ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 Mắt	Bệnh mắt trẻ em, tật khúc xạ, rối loạn vận nhãn, bệnh mắt trong cộng đồng (12ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 RHM	Nha cộng đồng (10ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 TMH	Thủ thuật và PT cơ bản trong TMH (16ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 CĐHA	CĐHA xương, khớp, mạch máu và một số tuyến nông (8ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 YHCT	Bệnh học Ngoại khoa, phụ khoa, YHCT										Thi TN											
BSCKI K27 Ung thư	Hoá chất điều trị bệnh ung thư (18ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 Tâm thần	Giám định pháp y tâm thần (9ĐVHT)										Thi TN											
CKI K27 XNYH	Tự chọn 2 (Hoá sinh/ Vi sinh/KSTY/GPB/Huyết học) (16ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K27 GMHS	Hồi sức ngoại khoa (10ĐVHT)										Thi TN											
BSCKI K28 Nội khoa	Tim mạch (5TC); Hô hấp (5TC); Tiêu hoá; (5TC) Nội tiết(5TC); Thận-tiết niệu (5TC); Cơ-xương-khớp (4TC); Huyết học lâm sàng (4)																					
BSCKI K28 Ngoại khoa	HSCC Ngoai khoa (3TC); Cấp cứu ổ bụng (3TC); Phẫu thuật tiêu hoá (5TC);Phẫu thuật tiết niệu (5TC); Phẫu thuật thần kinh sọ não (5TC); Phẫu thuật CTCH (5TC).																					
BSCKI K28 Sản PK	Sản cơ sở (5TC); Sản khó (5TC) ; Cấp cứu SPK (5TC); Sản bệnh (5TC); Phụ khoa (5TC); Sơ sinh (2TC); KHHGĐ (5TC)																					
BSCKI K28 Nhi khoa	Sơ sinh-HSCC (7TC); Thận-nội tiết-chuyển hoá-di truyền (7TC); Tiêu hoá-dinh dưỡng (7TC); Hô hấp- Tim mạch (7TC); Thần kinh-tâm bệnh-nhi khoa XH-Điều trị học (6TC).																					
BSCKI K28 Mắt	Bệnh phần trước nhãn cầu (13TC); Bệnh phần sau nhãn cầu, bệnh glocom (14TC); Chấn thương mắt, bỏng mắt, bệnh học hốc mắt (8TC); Bệnh mắt trẻ em, tật khúc xạ, rối loạn vận nhãn, nhược thị (5TC)																					
BSCKI K28 RHM	Chữa răng nội nha, nha chu, phục hình (8TC); PT trong miệng-bệnh lý miệng và PTHM (8TC); Răng trẻ em-Nha CĐ-Chỉnh hình RM (8TC).																					
BSCKI K28 TMH	Kiến thức chung về TMH (10TC); Bệnh học tai xương chũm; Bệnh học mũi xoang; Bệnh học họng-thanh quản																					
BSCKI K28 CĐHA	CĐHA bộ máy tiêu hoá (6TC) ; CĐHA bộ máy tiết niệu-sinh dục (5TC); CĐHA bộ máy tim, phổi và lồng ngực (5TC); CĐHA xương, khớp, mạch máu, tuyến nông (5TC) ; CĐHA hệ thần kinh (5TC).																					
BSCKI K28 YHCT	Lý luận YHCT (3TC); Huyết chứng thương hàn ôn bệnh (7TC); PP điều trị không dùng thuốc (8TC); PP điều trị dùng thuốc (8TC).																					
BSCKI K28 YHGĐ	YHGĐ (6TC); Nội khoa trong YHGĐ (6TC); Ngoại khoa trong YHGĐ (6TC); Sản PK trong YHGĐ(6TC); Nhi khoa trong YHGĐ (6TC); Truyền nhiễm-CS giảm nhẹ trong YHGĐ (4TC).																					

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲII - 21 TUẦN																					
Tháng	T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024				T5/2024				
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
Từ ngày	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	
Đến ngày	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	
BSCKI K27 Nội khoa																						
BSCKI K27 Ngoại khoa																						
BSCKI K27 Sản PK																						
BSCKI K27 Nhi chung																						
BSCKI K27 Mắt																						
BSCKI K27 RHM																						
BSCKI K27 TMH																						
BSCKI K27 CĐHA																						
BSCKI K27 YHCT																						
BSCKI K27 Ung thư																						
BSCKI K27 Tâm thần																						
CKI K27 XNYH																						
BSCKI K27 GMHS																						
BSCKI K28 Nội khoa							Nghỉ Tết Nguyên Đán		Học và thi các HP tự chọn (12TC)													
BSCKI K28 Ngoại khoa									Học và thi các HP tự chọn (20TC)													
BSCKI K28 Sản PK									Học và thi các HP tự chọn (20TC)													
BSCKI K28 Nhi khoa									Học và thi các HP tự chọn (12TC)													
BSCKI K28 Mắt									Học và thi các HP tự chọn (7TC)													
BSCKI K28 RHM									Học và thi các HP tự chọn (24TC)													
BSCKI K28 TMH									Học và thi các HP tự chọn (8TC)													
BSCKI K28 CĐHA									Học và thi các HP tự chọn (20TC)													
BSCKI K28 YHCT									Học và thi các HP tự chọn (20TC)													
BSCKI K28 YHGĐ									Học và thi các HP tự chọn (12TC)													

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07
BSCKI K27 Nội khoa									
BSCKI K27 Ngoại khoa									
BSCKI K27 Sản PK									
BSCKI K27 Nhi chung									
BSCKI K27 Mắt									
BSCKI K27 RHM									
BSCKI K27 TMH									
BSCKI K27 CĐHA									
BSCKI K27 YHCT									
BSCKI K27 Ung thư									
BSCKI K27 Tâm thần									
CKI K27 XNYH									
BSCKI K27 GMHS									
BSCKI K28 Nội khoa									
BSCKI K28 Ngoại khoa									
BSCKI K28 Sản PK									
BSCKI K28 Nhi khoa									
BSCKI K28 Mắt									
BSCKI K28 RHM									
BSCKI K28 TMH									
BSCKI K28 CĐHA									
BSCKI K28 YHCT									
BSCKI K28 YHGĐ									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					HỌC KỲII - 21 TUẦN																					NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024				T5/2024					T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07

BSCKI K28 YTCC	Sức khoẻ môi trường (5TC); Sức khoẻ nghề nghiệp (5TC); Dinh dưỡng và ATTP (5TC); Quản lý y tế và CSYT (5TC); Quản lý các bệnh không lây nhiễm (5TC); YHGĐ; Thực hành YTCC (5TC).	Học và thi các HP tự chọn (15TC)	
BSCKI K28 Ung thư	Đại cương ung thư (4TC); Phẫu thuật ung thư (6TC); Xạ trị ung thư (6TC); Điều trị toàn thân (5TC); chăm sóc giảm nhẹ (5TC).	Học và thi các HP tự chọn (20TC)	
BSCKI K28 Tâm thần	Định hướng tâm thần (6TC); Các rối loạn tâm thần nội sinh (6TC); Các rối loạn tâm thần thực tổn (3TC); Lạm dụng chất (6TC); Các phương pháp điều trị bệnh tâm thần (5TC).	Học và thi các HP tự chọn (20TC)	
BSCKI K28 XNYH	Hoá sinh (4TC); Huyết học-Truyền máu (4TC); Vi sinh; Ký sinh trùng (4TC); GPB (4TC); Thực hành bệnh viện vi sinh-KST (3TC); Thực hành bệnh viện hoá sinh (3TC); Thực hành bệnh viện huyết học-truyền máu (3TC).	Học và thi các HP tự chọn (15TC)	
BSCKI K28 GMHS	GM cơ sở (5TC); Gây tê cơ sở (6TC); GMHS trong PT sản (5TC); GMHS ở bệnh nhân có bệnh lý kèm theo (5TC); Hồi sức cơ sở (5TC)	Học và thi các HP tự chọn (20TC)	
BSCKI K28 Điều dưỡng	Điều dưỡng nội khoa (7TC); Điều dưỡng ngoại khoa (7TC); Điều dưỡng SPK (7TC); Điều dưỡng nhi khoa (7TC); Điều dưỡng gia đình & cộng đồng (5TC); Điều dưỡng HSCC-HSTC (2TC); Điều dưỡng thảm hoạ (2TC); Lãnh đạo và quản lý điều dưỡng (3TC)	Học và thi các HP tự chọn (9TC)	
BSCKI K29 Nội khoa	TUYỂN SINH ĐỢT 1	TUYỂN SINH ĐỢT 2	MÔN CHUNG, MÔN CƠ SỞ-HỖ TRỢ. CÁC BUỔI SÁNG ĐI LÂM SÀNG	MÔN CHUNG, MÔN CƠ SỞ - HỖ TRỢ CÁC BUỔI SÁNG ĐI LÂM SÀNG	MÔN CHUYÊN NGÀNH
BSCKI K29 Ngoại khoa					
BSCKI K29 Sản PK					
BSCKI K29 Nhi khoa					
BSCKI K29 Mắt					
BSCKI K29 RHM					
BSCKI K29 TMH					
BSCKI K29 Hoá sinh					
BSCKI K29 CĐHA					
BSCKI K29 Lao					
BSCKI K29 YHGĐ					
BSCKI K29 YTCC					
BSCKI K29 Ung thư					
BSCKI K29 Tâm thần					
BSCKI K29 XNYH					
BSCKI K29 GMHS					
BSCKI K29 Dược lý và Dược LS					
BSCKI K29 Nội khoa					
BSCKI K29 Điều dưỡng					

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2023 - 2024

(Dành cho đối tượng Nghiên cứu sinh)

Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024	HỌC KỲ I - 21 TUẦN																					HỌC KỲ II - 21 TUẦN																							NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ								
Tháng	T8/2023			T9/2023					T10/2023				T11/2023				T12/2023					T1/2024				T2/2024				T3/2024					T4/2024				T5/2024					T6-T7/2024								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Từ ngày	07/08	14/08	21/08	28/08	04/09	11/09	18/09	25/09	02/10	09/10	16/10	23/10	30/10	06/11	13/11	20/11	27/11	04/12	11/12	18/12	25/12	01/01	08/01	15/01	22/01	29/01	05/02	12/02	19/02	26/02	04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06	01/07	08/07	15/07	22/07
Đến ngày	12/08	19/08	26/08	02/09	09/09	16/09	23/09	30/09	07/10	14/10	21/10	28/10	04/11	11/11	18/11	25/11	02/12	09/12	16/12	23/12	30/12	06/01	13/01	20/01	27/01	03/02	10/02	17/02	24/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07	27/07
YTCC K4	Bảo vệ luận án																																																				
Nhi Khoa K3	Bảo vệ luận án																																																				
YTCC K5	Bảo vệ luận án																																																				
Nội Khoa K1	Bảo vệ luận án																																																				
Nhi Khoa K5	Bảo vệ luận án																																																				
Ngoại Khoa K2	Bảo vệ luận án																																																				
Nhi Khoa K6	Bảo vệ luận án																																																				
YTCC K9	Bảo vệ luận án																																																				
Nhi Khoa K7	Lấy số liệu LA + Bảo vệ chuyên đề 1 Thực trạng và các yếu tố nguy cơ(5TC)												Lấy số liệu luận án + Bảo vệ chuyên đề 2 Phương pháp tiến hành nghiên cứu(5TC)									Nghỉ Tết Nguyên Đán								Lấy số liệu luận án + Bảo vệ chuyên đề 3 Các giải pháp can thiệp(5TC) + Chuyên đề Tổng Quan(5TC)																										
YTCC K10	Lấy số liệu LA + Bảo vệ chuyên đề 1 Thực trạng và các yếu tố nguy cơ(5TC)												Lấy số liệu luận án + Bảo vệ chuyên đề 2 Phương pháp tiến hành nghiên cứu(5TC)																	Lấy số liệu luận án + Bảo vệ chuyên đề 3 Các giải pháp can thiệp(5TC) + Chuyên đề Tổng Quan(5TC)																									
Nhi Khoa K8	Bảo vệ đề cương luận án								Lấy số liệu luận án +Miễn dịch học(2TC) + Chu sinh học(2TC)																										Lấy số liệu luận án + Hồi sức cấp cứu(2TC)					Lấy số liệu luận án												
Ngoại khoa K3	Bảo vệ đề cương luận án								Lấy số liệu luận án + Phẫu thuật nội soi (2TC) + Giải phẫu ứng dụng lâm sàng (2TC)																										Lấy số liệu LA + Cấp cứu bụng(2TC) + Ung thư(2TC)					Lấy số liệu luận án												
YTCC K11	Bảo vệ đề cương luận án								Lấy số liệu luận án + Phương pháp NCSK cộng đồng(2TC) + Giáo dục và nâng cao sức khoẻ(2TC)																										Lấy số liệu luận án + Chính sách y tế(2TC)					Lấy số liệu luận án												
Nội Khoa K2	TUYỂN SINH ĐỢT 1								TUYỂN SINH ĐỢT 2													BẢO VỆ ĐỀ CƯƠNG								BẢO VỆ ĐỀ CƯƠNG																						
Nhi Khoa K9																																																					
Ngoại khoa K4																																																					
YTCC K12																																																					

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2023 - 2024

(Dành cho đối tượng Bác sĩ nội trú)

<table>
<tr><td>Tháng 8/2023 - Tháng 7/2024</td><td colspan="21">HỌC KỲ I - 21 TUẦN</td><td colspan="21">HỌC KỲ II - 21 TUẦN</td><td colspan="9">NGHỈ HÈ/HỌC KỲ PHỤ</td></tr>
<tr><td>Tháng</td><td colspan="3">T8/2023</td><td colspan="5">T9/2023</td><td colspan="4">T10/2023</td><td colspan="4">T11/2023</td><td colspan="5">T12/2023</td><td colspan="4">T1/2024</td><td colspan="4">T2/2024</td><td colspan="5">T3/2024</td><td colspan="4">T4/2024</td><td colspan="4">T5/2024</td><td colspan="9">T6-T7/2024</td></tr>
<tr><td>Tuần</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td><td>21</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td><td>21</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td></tr>
<tr><td>Từ ngày</td><td>07/08</td><td>14/08</td><td>21/08</td><td>28/08</td><td>04/09</td><td>11/09</td><td>18/09</td><td>25/09</td><td>02/10</td><td>09/10</td><td>16/10</td><td>23/10</td><td>30/10</td><td>06/11</td><td>13/11</td><td>20/11</td><td>27/11</td><td>04/12</td><td>11/12</td><td>18/12</td><td>25/12</td><td>01/01</td><td>08/01</td><td>15/01</td><td>22/01</td><td>29/01</td><td>05/02</td><td>12/02</td><td>19/02</td><td>26/02</td><td>04/03</td><td>11/03</td><td>18/03</td><td>25/03</td><td>01/04</td><td>08/04</td><td>15/04</td><td>22/04</td><td>29/04</td><td>06/05</td><td>13/05</td><td>20/05</td><td>27/05</td><td>03/06</td><td>10/06</td><td>17/06</td><td>24/06</td><td>01/07</td><td>08/07</td><td>15/07</td><td>22/07</td></tr>
<tr><td>Đến ngày</td><td>12/08</td><td>19/08</td><td>26/08</td><td>02/09</td><td>09/09</td><td>16/09</td><td>23/09</td><td>30/09</td><td>07/10</td><td>14/10</td><td>21/10</td><td>28/10</td><td>04/11</td><td>11/11</td><td>18/11</td><td>25/11</td><td>02/12</td><td>09/12</td><td>16/12</td><td>23/12</td><td>30/12</td><td>06/01</td><td>13/01</td><td>20/01</td><td>27/01</td><td>03/02</td><td>10/02</td><td>17/02</td><td>24/02</td><td>02/03</td><td>09/03</td><td>16/03</td><td>23/03</td><td>30/03</td><td>06/04</td><td>13/04</td><td>20/04</td><td>27/04</td><td>04/05</td><td>11/05</td><td>18/05</td><td>25/05</td><td>01/06</td><td>08/06</td><td>15/06</td><td>22/06</td><td>29/06</td><td>06/07</td><td>13/07</td><td>20/07</td><td>27/07</td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K13 Nội (2020-2023)</td><td>Thi CĐHA</td><td colspan="5">Ung thư-GPB(5TC)</td><td>Thi UT-GPB</td><td colspan="3">Ôn thi tốt nghiệp</td><td colspan="2">Thi tốt nghiệp</td><td colspan="5" rowspan="2">Bảo vệ luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="2" rowspan="27">Nghỉ Tết Nguyên Đán</td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td colspan="12">Hoàn thành số liệu và viết luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K13 Ngoại (2020-2023)</td><td>Thi CĐHA</td><td colspan="4">Dược lý LS(3TC)</td><td colspan="2">Thi Dược lý Ls</td><td colspan="3">Ôn thi tốt nghiệp</td><td colspan="2">Thi tốt nghiệp</td><td colspan="5" rowspan="2">Bảo vệ luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td colspan="12">Hoàn thành số liệu và viết luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K13 Sản (2020-2023)</td><td colspan="7">Thi LS chứng chỉ CN</td><td colspan="3">Ôn thi tốt nghiệp</td><td colspan="2">Thi tốt nghiệp</td><td colspan="5" rowspan="2">Bảo vệ luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td colspan="12">Hoàn thành số liệu và viết luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K13 Nhi (2020-2023)</td><td colspan="7">Thi LT-LS các chứng chỉ CN</td><td colspan="3">Ôn thi tốt nghiệp</td><td colspan="2">Thi tốt nghiệp</td><td colspan="5" rowspan="2">Bảo vệ luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td colspan="12">Hoàn thành số liệu và viết luận văn</td><td colspan="4"></td><td colspan="5"></td><td colspan="14"></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td>BSNT K14 Nội (2021-2024)</td><td colspan="26">Hô hấp (9TC); Nội tiết- Chuyển hóa (12TC); Cơ xương khớp (8TC);</td><td colspan="3"></td><td colspan="4">Thi & ôn thi HH; NT-CH; CXK</td><td colspan="10">Bệnh máu và cơ quan tạo máu (8TC)</td><td colspan="2">Thi & ôn thi BM-CQTM</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K14 Ngoại (2021-2024)</td><td colspan="26">Phẫu thuật tiêu hoá- gan mật (18TC); Ngoại chấn thương chỉnh hình (9TC); Phẫu thuật tiết niệu (9TC); Phẫu thuật thần kinh- sọ não (9TC); Ngoại nhi (9TC) ; Phẫu thuật lồng ngực (9TC)</td><td colspan="3"></td><td colspan="4">Ôn & thi CCCN</td><td colspan="12">Phẫu thuật tim mạch (9TC); Phẫu thuật cấp cứu bụng (9TC)</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K14 Sản (2021-2024)</td><td colspan="26">KHHGĐ & SKSS (15TC); Nội soi sản phụ khoa (12TC); Siêu âm sản phụ khoa (12 TC);</td><td colspan="3"></td><td colspan="4">Ôn & thi CCCN</td><td colspan="12">Vô sinh và hỗ trợ sinh sản (12TC)</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K14 Nhi (2021-2024)</td><td colspan="26">Tiêu Hóa- Dinh dưỡng (12TC); Hô hấp - Tuần hoàn (12TC); Máu - Thần kinh (12TC)</td><td colspan="3"></td><td colspan="4">Ôn & thi CCCN</td><td colspan="12">Nhi khoa xã hội và điều trị học (12TC)</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K15 Nội (2022-2025)</td><td colspan="13" rowspan="2">Tim mạch (5TC); Thận tiết niệu (5TC); Hô Hấp (5TC)</td><td colspan="13">Môn tự chọn (15 TC) (Ung thư học - 3TC; Thần kinh - 3TC; CĐHA - 3 TC;</td><td colspan="7" rowspan="2">Dược LS (3TC) ; Lão khoa (3TC))</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn & thi TC</td><td colspan="10" rowspan="2">Tiêu hóa (4TC); CXK (4TC)</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td colspan="9">THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG K15</td><td colspan="4"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K15 Ngoại (2022-2025)</td><td colspan="8" rowspan="2">Cấp cứu ổ bụng(3TC); Phẫu thuật Tiêu hóa (5TC)</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn & thi CCÔB; PTTH</td><td colspan="14">Phẫu thuật tiết niệu (5TC); Phẫu thuật thần kinh sọ não (5TC) ; Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình (5TC)</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn& thi PTTN; PTTK, PTCTCH</td><td colspan="19" rowspan="2">Môn Tự chọn (20TC) (Phẫu thuật nội soi cơ bản 5TC; Phẫu thuật lồng ngực - 5TC;
Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ cơ bản - 5TC; Phẫu thuật tim mạch - 5TC)</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td colspan="3"></td><td colspan="9">THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG K15</td><td colspan="2"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K15 Sản (2022-2025)</td><td colspan="11" rowspan="2">Sản khó (5TC); Cấp cứu sản khoa (4TC); Sơ sinh (2TC)</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn & thi sản khó CCSK; SS</td><td colspan="11">Phụ khoa cơ sở (5TC) ; KHHGĐ (5TC)</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn&thi PK ; KHHGĐ</td><td colspan="16" rowspan="2">Môn tự chọn (15TC) (Siêu âm sản phụ khoa-5TC; Phẫu thuật nội soi phụ khoa - 5TC; Soi cổ tử cung - 5TC)</td><td colspan="3" rowspan="2">Ôn&thi TC</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td colspan="9">THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG K15</td><td colspan="2"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K15 Nhi (2022-2025)</td><td colspan="13" rowspan="2">Sơ sinh - Hồi sức cấp cứu (6TC) ; Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền (6TC)</td><td colspan="11">Tiêu hóa - Dinh dưỡng (4TC) ; Hô hấp – Tim mạch (5TC)</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn&Thi TH-DD; HH-TM</td><td colspan="7" rowspan="2">Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học (6TC)</td><td colspan="5" rowspan="2">IMC (5TC)</td><td rowspan="2">Thi IMC</td><td colspan="5" rowspan="2">Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu nâng cao (4TC)</td><td rowspan="2">Thi SS-HSCC</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td colspan="9">THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG K15</td><td colspan="2"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">BSNT K15 RHM (2022-2025)</td><td colspan="9" rowspan="2">Nha khoa phục hồi (9TC)</td><td rowspan="2">Thi NKPH</td><td colspan="16">Phẫu thuật miệng Hàm mặt (9TC); Nha khoa Dự phòng – Phát triển (9TC)</td><td colspan="4" rowspan="2">Ôn & Thi PTMHM: NKDP-PT</td><td colspan="13" rowspan="2">Môn tự chọn (12TC)</td><td colspan="2" rowspan="2">Ôn&thi TC</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td colspan="3"></td><td colspan="9">THÔNG QUA ĐỀ CƯƠNG K15</td><td colspan="4"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K16 Nội (2023-2025)</td><td colspan="3" rowspan="5">TUYỂN SINH ĐỢT I</td><td colspan="13"></td><td colspan="10" rowspan="5">MÔN CHUNG</td><td colspan="14" rowspan="5">MÔN CƠ SỞ-HỖ TRỢ
CÁC BUỔI SÁNG ĐI LÂM SÀNG</td><td colspan="5" rowspan="5">MÔN CHUYÊN NGÀNH 1</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K16 Ngoại (2023-2025)</td><td colspan="13"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K16 Sản (2023-2025)</td><td colspan="13"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K16 Nhi (2023-2025)</td><td colspan="13"></td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>BSNT K16 RHM (2022-2025)</td><td colspan="13"></td><td colspan="4"></td></tr>
</table>

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

~~PHÓ HIỆU TRƯỞNG~~

PGS. TS. Phạm Văn Linh